

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-8-2025  
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Ghê;
- Ông Lý Văn Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Văn Bình Em –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1229/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Đặng Thành L, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp C, xã H, tỉnh Tây Ninh).

Căn cước công dân số: 080098012756.

**Bị đơn:** Bà Cao Thị Mỹ N, sinh năm 1998;

Nơi thường trú: Tổ dân phố D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tổ dân phố D, xã P, thành phố H).

Tạm trú: Ấp Chánh, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp C, xã H, tỉnh Tây Ninh).

Căn cước công dân số: 046198011545.

(ông L có đơn xin vắng mặt, bà N vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Thành L trình bày tóm tắt như sau: Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2023 ông và bà Cao Thị Mỹ N đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/6/2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay ông L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Quá trình chung sống ông L xác định ông và bà N không có con chung.

Về tài sản chung: ông Đặng Thành L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông Đặng Thành L xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Cao Thị Mỹ N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, ông Đặng Thành L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục văn bản tố tụng cho bà Cao Thị Mỹ N theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Cao Thị Mỹ N vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông Đặng Thành L biện việc nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Cao Thị Mỹ N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của ông L và xử vắng mặt ông L, bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Đặng Thành L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Cao Thị Mỹ N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: ông Đặng Thành L, bận việc và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Cao Thị Mỹ N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Đặng Thành L và bà Cao Thị Mỹ N có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/6/2023 (Giấy đăng ký số 57/2023) nên quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Thành L và bà Cao Thị Mỹ N là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đặng Thành L đối với bà Cao Thị Mỹ N, thấy rằng: ông L trình bày cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Ông L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với bà N. Đối với bà N, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, bà N đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của ông L nhưng bà N không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông L. Tại phiên tòa, bà N vẫn vắng mặt, chứng tỏ bà N không có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông L. Xét thấy, hai bên hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Thành L.

[2.3] Về con chung: Quá trình chung sống ông L xác định ông và bà N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: ông L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: ông L xác định ông và bà N không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Đối với bà Cao Thị Mỹ N vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên

Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Trường hợp sau này giữa ông L và bà N có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[2.7] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tổng cộng là 10.000.000đồng. Ông L tự nguyện chịu toàn bộ, ông L đã nộp và chỉ xong.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn ông Đặng Thành L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thành L về việc “Ly hôn” đối với bà Cao Thị Mỹ N.

1. Về hôn nhân: ông Đặng Thành L được ly hôn với bà Cao Thị Mỹ N.
2. Về con chung: ông Đặng Thành L xác định ông và bà Cao Thị Mỹ N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: ông Đặng Thành L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về nợ chung: ông Đặng Thành L xác định ông và bà Cao Thị Mỹ N không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tổng cộng là 10.000.000đồng. Ông L tự nguyện chịu toàn bộ, ông L đã nộp và chỉ xong.
6. Về án phí: ông Đặng Thành L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005991 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa (nay là Phòng thi hành dân sự khu vực 3-Tây Ninh) sang án phí để thi hành. Ông Đặng Thành L đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Thắm**